

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 01
NĂM HỌC 2019-2020 HỆ CAO ĐẲNG KHOA OTKD KHÁCH SẠN NH

(Kèm theo quyết định số ngày tháng năm)

TT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TÊN LỚP	Điểm học tập và rèn luyện			
					Điểm học tập	Điểm RL	Xếp loại HB	Số tiền HB
1	17810205056	Lê Thúy Hạnh	22/08/1998	C14C3	7.74	86	Khá	4,250,000
2	17810205169	Nguyễn Thị Kim Thanh	08/02/1998	C14C3	7.68	86	Khá	4,250,000
3	17810205003	Nguyễn Thu An	09/10/1996	C14C3	7.67	82	Khá	4,250,000
4	17810205191	Tổng Thị Tuyên	06/06/1999	C14C2	7.67	76	Khá	4,250,000
5	17810205009	Nguyễn Đoàn Phương Anh	02/01/1999	C14C2	7.62	75	Khá	4,250,000
6	17810205172	Bùi Huy Thành	21/05/1998	C14C3	7.59	86	Khá	4,250,000
7	17810205080	Ngô Thị Hồng	18/04/1998	C14C4	7.33	85	Khá	4,250,000
8	17810205040	Phạm Thuỳ Dương	23/06/1997	C14C3	7.29	85	Khá	4,250,000
9	17810205129	Phạm Thị Ngân	30/04/1999	C14C4	7.23	84	Khá	4,250,000
10	17810205209	Lê Thị Yến	22/05/1999	C14C2	7.22	80	Khá	4,250,000
11	17810205136	Vũ Thị Bích Ngọc	12/11/1999	C14C3	7.17	86	Khá	4,250,000
12	17810205013	Nguyễn Thị Phương Anh	02/06/1999	C14C3	7.16	86	Khá	4,250,000
13	17810205032	Nguyễn Đức Cường	12/03/1999	C14C2	7.14	86	Khá	4,250,000
14	17810205024	Trịnh Thị ánh	30/10/1999	C14C2	7.14	81	Khá	4,250,000
15	17810205108	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/02/1999	C14C1	7.09	86	Khá	4,250,000
16	17810205143	Nguyễn Thị Niềm	03/04/1996	C14C3	7.08	85	Khá	4,250,000
17	17810205050	Lê Thị Hà	20/03/1999	C14C2	7.07	85	Khá	4,250,000
18	17810205058	Xa Thị Hạnh	13/02/1999	C14C2	7.07	83	Khá	4,250,000
19	17810205159	Đinh Thị Quỳnh	19/03/1999	C14C4	7.02	84	Khá	4,250,000
20	17810205042	Chu Đình Định	23/01/1994	C14C3	7.02	84	Khá	4,250,000
Tổng số				20	Tổng tiền			85,000,000

Ghi chú:
Tổng số HSSV: 20 HSSV

HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Cao Khải